

**CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN
VÀ NGÂN SÁCH XÃ, THỊ TRẤN NĂM 2019**

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

(Kèm theo Công văn số 1028/TCKH ngày 12/12/2018 của Phòng Tài chính - Kế hoạch)

ĐVT: triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm 2018 sau điều chỉnh	Ước thực hiện 2018	Dự toán năm 2019	So sánh dự toán HĐND huyện giao (%)
A	B	1	2	3	6
A	<u>Ngân sách cấp huyện</u>				
I	Nguồn thu ngân sách cấp huyện	409,168	671,001	543,378	80.98
I.1	Các khoản thu trong cân đối	409,168	671,001	543,378	80.98
1	Thu ngân sách huyện hưởng theo phân cấp	106,547	202,182	247,713	122.52
	- Các khoản thu ngân sách huyện hưởng 100%	44,448	48,460	63,350	
	- Các khoản thu phân chia ngân sách huyện hưởng theo tỉ lệ phần trăm (%)	62,099	153,722	184,363	
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	294,920	364,920	295,665	81.02
	- Bổ sung cân đối	289,920	289,920	290,665	
	- Bổ sung có mục tiêu	5,000	75,000	5,000	
3	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước chuyển sang		66,422		
4	Thu kết dư ngân sách năm trước		36,854		
5	Nguồn cải cách tiền lương	7,701			
6	Thu ngân sách cấp dưới nộp lên		623		
I.2	Thu ngoài cân đối		-		
II	Chi ngân sách cấp huyện	409,168	526,069	543,378	132.80
II.1	Chi trong cân đối	409,168	526,069	543,378	132.80
1	Chi thuộc nhiệm vụ NS cấp huyện theo phân cấp (Không kể bổ sung NS xã, thị trấn)	335,508	388,170	393,747	117.36
	Chi đầu tư	49,554	88,997	67,341	135.89
	Chi thường xuyên	285,954	299,173	326,406	114.15
2	Bổ sung cho ngân sách xã, thị trấn	66,798	128,798	75,181	112.55
	- Bổ sung cân đối	66,798	66,798	75,181	
	- Bổ sung có mục tiêu		62,000	-	
3	Dự phòng chi	6,862		11,367	165.65
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	-		63,083	
5	Chi nộp ngân sách cấp trên	-	9,101		
II.2	Chi ngoài cân đối	-	-		

TT	Nội dung	Dự toán năm 2018 sau điều chỉnh	Ước thực hiện 2018	Dự toán năm 2019	So sánh dự toán HĐND huyện giao (%)
A	B	1	2	3	6
B	<u>Ngân sách xã, thị trấn thuộc huyện</u>				
I	Nguồn thu ngân sách xã, thị trấn	93,644	152,711	121,858	79.80
I.1	Các khoản thu trong cân đối	93,644	152,596	121,858	79.86
1	Thu ngân sách hưởng theo phân cấp	24,557	49,403	46,677	94.48
	- Thu NS xã hưởng 100%	8,367	20,333	18,580	
	- Thu NS xã hưởng theo tỉ lệ %	16,190	29,070	28,097	
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện	66,798	66,798	75,181	112.55
	- Bổ sung cân đối	66,798	66,798	75,181	
	- Bổ sung có mục tiêu				
3	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước chuyển sang		29,083		
4	Thu kết dư ngân sách năm trước		7,312		
5	Nguồn cải cách tiền lương	2,289			-
I.2	Thu ngoài cân đối		115		
II	Chi ngân sách xã, thị trấn	93,644	155,462	121,858	130.13
II.1	Chi trong cân đối	93,644	155,462	121,858	130.13
	Chi đầu tư	24,667	56,372	37,659	152.67
	Chi thường xuyên	67,364	98,467	82,543	122.53
	Dự phòng chi	1,613		1,656	102.67
	Chi nộp ngân sách cấp trên		623		
II.2	Chi ngoài cân đối				

Ghi chú: - So sánh chỉ tiêu thu = Dự toán 2019/Ước thực hiện 2018

- So sánh chỉ tiêu chi = Dự toán 2019/Dự toán 2018